



Số 32 (42)

Tháng 01 - 02/2017

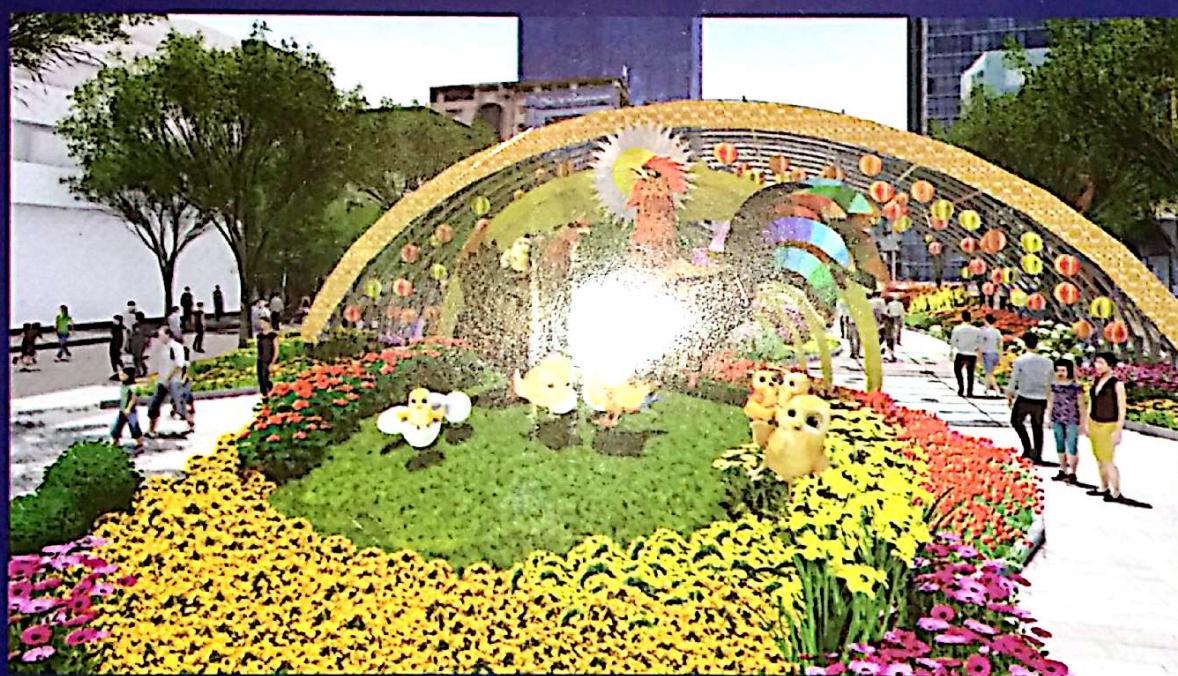
TẠP CHÍ

PHÁT TRIỂN & HỘI NHẬP

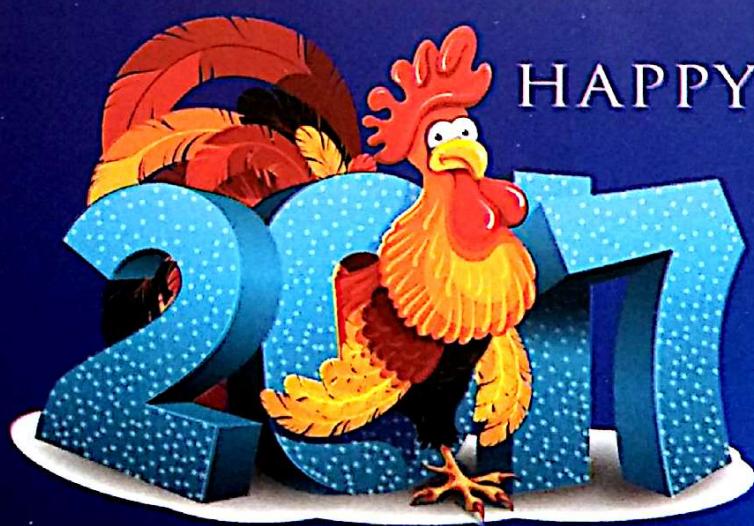
ISSN 1859 - 428 X

JOURNAL OF DEVELOPMENT AND INTEGRATION

TẠP CHÍ KHOA HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH TP.HCM • BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO



HAPPY NEW YEAR



CHÚC
MÙNG
NĂM
MỚI



PHÁT TRIỂN & HỘI NHẬP

JOURNAL OF DEVELOPMENT AND INTEGRATION

ISSN 1859 - 428 X

THÁNG 01 - 02/2017

Số 32 (42)

TỔNG QUAN KINH TẾ 2017 AN OVERVIEW OF VIETNAM ECONOMY IN 2017

Bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2016 & khuyến nghị năm 2017
An overview of Vietnam's economy in 2016 and suggestions for 2017

Nguyễn Đình Luận

3

NGHIÊN CỨU & PHÁT TRIỂN RESEARCH & DEVELOPMENT

Vai trò chính phủ và tăng trưởng kinh tế: Góc nhìn từ chi tiêu công, quản trị công tại các quốc gia châu Á.

The government role and economic growth in terms of public spending and public administration in Asian countries

Trần Trung Kiên & Ngô Anh Tín

11

Xây dựng chính sách phát triển du lịch văn hóa bền vững trên thế giới: Bài học cho Việt Nam
Making policies for sustainable development of culture tourism in the world: Lessons for Vietnam

Nguyễn Quyết Thắng

19

Tác động của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU đến xuất nhập khẩu của các ngành công nghiệp Việt Nam

The impacts of EU-Vietnam Free Trade Agreement on export and import of Vietnam industries.

Phạm Ngọc Phong, Đặng Thuỳ Linh & Nguyễn Thị Ánh Ngọc

26

Cộng đồng Kinh tế ASEAN: Cơ hội và thách thức cho hệ thống ngân hàng Việt Nam

ASEAN Economic Community: Opportunities and Challenges to Vietnam banking system

Nguyễn Minh Sáng, Huỳnh Anh Phúc & Nguyễn Minh Đức

33

Mối quan hệ giữa tăng trưởng tín dụng ngân hàng và tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam

The relationship between bank credit expansion and economic growth in Vietnam

Lê Thị Mân, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh & Nguyễn Tân Phát

41



Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô ở Việt Nam
Factors affecting the performance of Vietnam microfinance institutions

Lê Hà Diễm Chi 49

Co giãn việc làm theo tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam
The effects of Vietnam's economic restructuring on employment elasticity

Nguyễn Thị Đông & Phạm Thị Lý 56

Phát triển công nghiệp hỗ trợ ở tỉnh Long An : Thực trạng và giải pháp
Development of support industries in Long An Province: Facts and solutions

Võ Thanh Thu 62

Sử dụng chỉ số sức mạnh giá trong lựa chọn cổ phiếu tiềm năng trên thị trường chứng khoán Việt Nam
Using the relative price strength to select stocks in Vietnam Stock Market.

Cao Thị Miên Thùy 70

Phát triển tổ chức tài chính vi mô ở Việt Nam
Promotion of microfinance institutions in Vietnam

Võ Đức Toàn 76

Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng IFRS cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ở các quốc gia và Việt Nam
The factors affecting the application of international accounting standard into small and medium enterprises in the world and Vietnam.

Võ Văn Nhị & Trần Thị Thanh Hải 85

Phân tích lợi thế so sánh của Việt Nam từ góc độ tinh thâm dụng kỹ năng và công nghệ.
An analysis of Vietnam's comparative advantage from the perspective of skill and technology intensity

Trần Văn Đức 93

PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG
LOCAL ECONOMIC DEVELOPMENT

Tín dụng đối với hộ sản xuất nông nghiệp tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đăk Lăk
Providing credit for farming households at Dak Lak Agribank Branch

Vũ Văn Thực 100

Tin và bài viết xin gửi về/Letters and articles, please send to:

Tạp chí Phát triển và Hội nhập/Journal of Development and Integration

Số/No 276 Điện Biên Phủ, P. 17, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Tel: 0916 678 999 - Fax: 08 5422 1166

Email: tapchi_pthn@uef.edu.vn Website: www.uef.edu.vn



Cộng đồng Kinh tế ASEAN: Cơ hội và thách thức cho hệ thống ngân hàng Việt Nam

NGUYỄN MINH SÁNG, HUỲNH ANH PHÚC & NGUYỄN MINH ĐỨC

Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM

Nhận bài: 28/09/2016 - Duyệt đăng: 30/11/2016

Tóm tắt

Một trong ba trụ cột chính của cộng đồng ASEAN, Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) thành lập vào năm 2015 sẽ có những tác động trực tiếp đến hệ thống ngành ngân hàng cũng như toàn bộ nền kinh tế VN. Bài viết sử dụng mô hình SWOT để phân tích những điểm mạnh, điểm yếu của hệ thống ngân hàng VN cũng như đánh giá các cơ hội và thách thức mà AEC mang lại. Từ đó đưa ra những đề xuất giúp hệ thống ngân hàng VN có sự chuẩn bị kỹ lưỡng để tận dụng hiệu quả những lợi ích mà AEC mang lại.

Từ khóa: AEC, ASEAN, hệ thống ngân hàng, VN.

Abstract

ASEAN Economic Community (AEC), one of the three main pillars of ASEAN Community, established in 2015 would take direct effects on the banking in Vietnam as well as the Vietnam's economy. This paper uses SWOT matrix to define the strengths, weaknesses of Vietnam's banking system and evaluate the chances, threats when Vietnam become a member of AEC. Finally, based on the SWOT analysis above, we suggest recommendations for the Vietnam's banking system to help them make a thorough preparation to utilize the benefits that AEC would provide more efficient.

Keys: AEC, ASEAN, banking system, Vietnam.

1. Mục tiêu của AEC

1.1. Tạo ra một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất

Với mục tiêu tạo ra một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất, AEC xây dựng nó dựa trên năm yếu tố cơ bản: (i) Chu chuyển tự do hàng hoá dịch vụ, lao động có tay nghề, chu chuyển tự do hơn nữa các dòng vốn và dòng đầu tư; (ii) Xoá bỏ các hàng rào phi thuế quan sẽ lần lượt được, các chuyên gia; (iii) Luân chuyển tự do lao động có tay nghề trong khu vực; và (iv) Những thủ tục hải quan và thương mại khi đã được tiêu chuẩn hoá hải hoả và đơn giản hơn sẽ góp phần làm

giảm chi phí giao dịch (Ban thư ký ASEAN 2011).

1.2. Tạo ra một khu vực kinh tế cạnh tranh

Với mục tiêu tạo ra một khu vực kinh tế cạnh tranh cao, AEC sẽ xây dựng dựa trên 6 yếu tố chính gồm: chính sách cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng, quyền sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống thuế khoá và thương mại điện tử. Qua đó thúc đẩy quá trình cạnh tranh công bằng và lành mạnh trong khu vực (Ban thư ký ASEAN 2011).

1.3. Phát triển kinh tế công bằng

Giữa 10 nước ASEAN vẫn còn có khoảng cách về kinh tế. Do

đó, bằng cách lợi thế hoá phương pháp tiếp cận thông tin, tài chính, kỹ năng, phát triển nguồn nhân lực và công nghệ sẽ thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ qua đó trở thành động lực để thúc đẩy hội nhập kinh tế của các nền kinh tế còn thấp như Campuchia, Lào, Myanmar và VN, đảm bảo lợi ích công bằng trong quá trình hội nhập.

1.4. Hội nhập với nền kinh tế toàn cầu

Trong một môi trường toàn cầu hoá ngày càng cao hiện nay vì việc hội nhập với nền kinh tế toàn cầu là bắt buộc. Do đó không chỉ dừng lại ở AEC mà



ASEAN còn phải xem xét tất cả các quy định trên thế giới để hình thành chính sách cho chính mình, như chấp thuận các tiêu chuẩn và kinh nghiệm sản xuất, phân phối quốc tế tối ưu nhất. Từ đó giúp cho AEC và các thành viên hội nhập với kinh tế toàn cầu (Ban thư ký ASEAN 2011).

2. Các hiệp định chính trong AEC

2.1. Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN (ATIGA)

Bắt đầu có hiệu lực chính thức từ 5/2010, thông qua việc cắt giảm các hàng rào thuế quan và phi thuế quan, ATIGA mang lại rất nhiều lợi ích cho các nhà xuất-nhập khẩu cũng như người tiêu dùng có cơ hội tiếp cận với nhiều chủng loại hàng hoá có mức giá ưu đãi hơn. Nội dung của ATIGA được thể hiện qua 5 vấn đề cơ bản (Ban thư ký ASEAN 2011):

(1) ATIGA hợp nhất và đơn giản hoá tất cả các điều khoản của CEPT – AFTA đồng thời cũng bổ sung một số quyết định của các bộ trưởng.

(2) Đưa ra lộ trình hoàn thiện cắt giảm hàng rào thuế quan áp dụng với các quốc gia thành viên và loại bỏ dần các mức thuế cụ thể áp dụng với từng loại hàng hoá khác nhau cho từng năm đến năm 2015.

(3) Quy định các điều khoản đảm bảo dòng chu chuyển tự do hàng hoá trong ASEAN như: tự do hoá thuế quan, dỡ bỏ hàng rào phi thuế quan, quy tắc xuất xứ, lợi thế hoá thương mại, hải quan, tiêu chuẩn và tính hợp lý của tiêu chuẩn, biện pháp vệ sinh dịch tễ.

(4) Quy định các biện pháp cụ thể cũng như thiết lập cơ chế để giám sát cam kết xoá bỏ rào cản

phi thuế quan của các nước thành viên.

(5) Phát triển các chương trình tiếp cận quá trình thuận lợi hoá thương mại trong ASEAN

2.2. Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS)

Với AFAS, các thành viên trong ASEAN cam kết tiếp tục tham gia vào các vòng đàm phán tự do hoá thương mại dịch vụ nội khối với mục đích hướng tới mức độ cam kết cao hơn trong lĩnh vực này. AFAS được hình thành với 3 mục tiêu chính (Ban thư ký ASEAN 2011):

(1) Đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực dịch vụ giữa các quốc gia thành viên ASEAN.

(2) Xoá bỏ rào cản thương mại trong lĩnh vực dịch vụ.

(3) Tự do hoá thương mại, dịch vụ sâu và rộng hơn so với hiệp định thương mại chung về dịch vụ của tổ chức thương mại thế giới.

2.3. Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA)

Bắt đầu có hiệu lực từ 3/2012 với 49 điều và 2 phụ lục với kỳ vọng là một hiệp định đầu tư toàn diện nhằm cải thiện môi trường đầu tư sao cho cạnh tranh, minh bạch, tự do và thông thoáng hơn. ACIA có phạm vi điều chỉnh vừa trực tiếp và gián tiếp trên 4 nội dung chính: Tự do hoá đầu tư, bảo hộ đầu tư, thuận lợi hoá đầu tư và xúc tiến đầu tư. So với các hiệp định đi trước, ACIA có một số điểm nổi bật:

(1) ACIA mở rộng về phạm vi định nghĩa nhà đầu tư (ví dụ doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài khỏi tại một nước ASEAN khi đầu tư sang một nước ASEAN khác được coi là nhà đầu tư ASEAN).

(2) ACIA quy định về các biện pháp/yêu cầu đối với đầu tư bị cấm mà các nước thành viên không được phép sử dụng (ví dụ yêu cầu tỷ lệ nội địa hoá, cân bằng cán cân thanh toán)

(3) ACIA quy định cơ chế giải quyết tranh chấp trực tiếp giữa Nhà nước và nhà đầu tư.

3. Tổng quan về hệ thống ngân hàng các nước AEC

Brunei: Hệ thống ngân hàng ở Brunei bao gồm 8 ngân hàng thương mại (NHTM) được cấp phép hoạt động trong đó có 6 chi nhánh của ngân hàng nước ngoài. Ngoài ra, còn có 4 ngân hàng 100% vốn nước ngoài hoạt động (AMBD 2013). Tính đến cuối năm 2013, tổng tài sản ở hệ thống ngân hàng giảm 1.41% so với cùng kỳ năm 2012. Khoản cho khách hàng vay tăng 7.8% so với năm 2012 đạt 4 tỷ USD ở năm 2013. Tiền gửi khách hàng không có biến động lớn duy trì ở mức 12.12 tỷ USD.

Campuchia: Theo báo cáo của Ngân hàng Trung ương Campuchia (NBC 2014), hệ thống ngân hàng gồm 36 NHTM, 11 ngân hàng đặc biệt và có 24 chi nhánh của các ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ tài chính ở Campuchia. Về hoạt động của ngân hàng, trong năm 2014 tổng giá trị tài sản của hệ thống ngân hàng tăng 29.95% so với năm 2013. Tiền gửi khách hàng năm 2014 tăng 32.43% so với năm 2013. Dư nợ tín dụng năm 2014 tăng đạt ở mức 9.5 tỷ USD, tăng 30.14% so với năm 2013.

Indonesia: Ngành công nghiệp tài chính của Indonesia vẫn bị chi phối bởi hệ thống ngân hàng, Indonesia có tới 57 NHTM, 14 ngân hàng liên doanh, 12

ngân hàng Hồi giáo và 36 ngân hàng nước ngoài được cấp phép hoạt động (BMI 2015f). Năm 2015 tổng tài sản của hệ thống ngân hàng đạt ở mức 462 tỷ USD, tăng 1.32% so với cùng kỳ năm 2014. Số tiền cho vay giảm không đáng kể ở mức 296 tỷ USD tương đương giảm 0.67%. Số lượng tiền gửi của khách hàng vào ngân hàng tăng 8.52% so với năm 2014.

Lào: Kết thúc quý I năm 2015, hệ thống ngân hàng ở Lào là 39 NHTM trong đó có tới 25 chi nhánh ngân hàng nước ngoài (BOL 2015). Về mặt doanh số, theo báo cáo quý I năm 2015, tổng tài sản hệ thống ngân hàng tăng 2.02%. Tổng khoản cho vay tăng 1.96%. Tiền gửi khách hàng tăng 0.15% so với cùng kỳ năm 2014.

Malaysia: Malaysia là trung tâm tài chính hồi giáo quốc tế. Cho nên, hệ thống ngân hàng ở Malaysia cũng bị ảnh hưởng, điều đó có thể thấy rõ ở hệ thống ngân hàng Malaysia bao gồm 19 ngân hàng Hồi giáo trong và ngoài nước, 8 NHTM trong nước, 19 chi nhánh NHTM nước ngoài (BMI 2015e). Quy mô tổng tài sản của hệ thống ngân hàng Malaysia đạt mức 607 tỷ USD năm 2015. Dư nợ tín dụng năm 2015 tăng 0.8% so với năm 2014. Người dân đã có niềm tin vào ngân hàng hơn khi số lượng tiền gửi tiết kiệm tăng hơn 5% so với năm trước đó.

Myanmar: Theo số liệu được công bố của Ngân hàng Trung ương Myanmar cho biết hệ thống ngân hàng ở Myanmar gồm 27 ngân hàng trong nước và 9 chi nhánh ngân hàng nước ngoài (CBM 2012). Sau khi được cải

Bảng 1. So sánh quy mô tổng tài sản, dư nợ tín dụng và tiền gửi khách hàng của các quốc gia ASEAN - Đơn vị tính: tỷ USD

STT	Quốc gia	Tổng tài sản		Dư nợ tín dụng		Tiền gửi khách hàng	
		2015	2014	2015	2014	2015	2014
1	Indonesia	462	456	296	298	382	352
2	Lào	10.11	9.91	5.72	5.61	6.17	6.1
3	Malaysia	607	603	365	362	501	475
4	Philippines	237	225	128	114	180	172
5	Singapore	625	607	450	458	430	415
6	Thái Lan	482	509	326	344	333	350
7	VN	273	244	203	185	185	173

Nguồn: BMI (2015) và Báo cáo thường niên NHTW các nước

cách, mở cửa hệ thống ngân hàng có những thành tựu đáng kể như tổng tài sản hệ thống ngân hàng tăng đột biến từ 4.8 tỷ USD năm 2011 lên 6.5 tỷ USD năm 2012 đạt 35.71%. Tổng cho vay năm 2012 tăng 66.67% so với 2011. Về mặt tiền gửi ngân hàng tăng 65% so với năm trước đó.

Philippines: Hệ thống ngân hàng ở Philippines có 36 NHTM gồm 20 NHTM trong nước và 16 chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động trong cả nước (BMI 2015d). Về doanh số, tổng tài sản hệ thống ngân hàng năm 2015 tăng 12 tỷ USD tương đương tăng 5.33%. Lượng tiền cho vay năm 2015 tăng 12.28% so với năm 2014. Tiền gửi khách hàng tăng nhẹ ở năm 2015 đạt mức 180 tỷ USD tương đương 4.65%.

Singapore: Singapore là một trong những nước có nền kinh tế phát triển trong khu vực ASEAN, ở Bảng 2, cho thấy hệ thống ngân hàng Singapore bao gồm 70 NHTM trong và ngoài nước trong đó có 1 ngân hàng nhà nước, 4 ngân hàng tư nhân,

28 full banks, 37 ngân hàng chi nhánh nước ngoài (MAS 2015). Bảng 1 cho thấy tổng tài sản của hệ thống ngân hàng Singapore tăng 2.97%. Dư nợ tín dụng giảm 1.75%. Tiền gửi vào ngân hàng tăng 3.6% (BMI 2015c).

Thái Lan: Thái Lan có hệ thống ngân hàng gồm 14 NHTM, 12 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 1 ngân hàng Hồi giáo, 1 ngân hàng nông nghiệp và hợp tác xã (BMI 2015b). Tình hình phát triển ngành ngân hàng của Thái Lan năm 2015 có nhiều biến động. Cụ thể tổng tài sản ngân hàng giảm 5.3% so với năm ngoái. Tổng tiền cho vay giảm 5.23%. Tiền gửi khách hàng giảm 4.58%. Nguyên nhân các chỉ số năm 2015 giảm phần lớn do sự biến động chính trị của Thái Lan.

VN: Hệ thống ngân hàng VN bao gồm 4 NHTM nhà nước, 33 NHTM cổ phần, 4 ngân hàng liên doanh, 46 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài và 2 ngân hàng chính sách xã hội (NHNN VN



Nghiên Cứu & Phát Triển

2015). Năm 2015 là năm khởi sắc của ngân hàng VN khi tổng tài sản ngân hàng tăng 11.88% so với năm 2014, tổng tiền cho vay đạt ở mức 203 tỷ USD tương đương 9.7%, tiền gửi ngân hàng tăng 6.9% so với năm 2014. Điều này cho thấy được tình hình tài chính ngân hàng của VN đang phát triển và phát huy hiệu quả.

4. Cơ hội và thách thức đối với hệ thống ngân hàng VN khi gia nhập AEC

4.1. Cơ hội AEC đối với hệ thống ngân hàng

O1: Thị trường khách hàng và cơ hội đầu tư được mở rộng

Tháng 5/2011 sau khi kết thúc vòng đàm phán thứ 5 giữa các bộ trưởng tài chính đã ký kết thành công nghị định thư thực hiện gói cam kết thứ 5 đối với dịch vụ tài chính theo hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS). Theo đó các hoạt động thương mại sẽ được tiếp cận với các dịch vụ tài chính rộng hơn và tự do hơn. Là một thị trường đang phát triển với dân số trên 600 triệu người và GDP hằng năm gần 3000 tỷ USD (Trung tâm thông tin-tư liệu, 2014), có thể nói AEC chính là một mảnh đất đầy tiềm năng đối với hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó các ngân hàng cũng có nhiều hơn những cơ hội và lựa chọn cho hoạt động đầu tư của mình ở các nước mà tiềm năng sinh lời lớn trong khu vực như Myanmar, vừa gia tăng khả năng sinh lời cũng như là biện pháp để phân tán rủi ro hơn với các sản phẩm tài chính hiện đại (Huỳnh Lưu Đức Toàn và Nguyễn Minh Tú 2015).

O2: Vai trò của ngân hàng trong hoạt động thương mại được gia tăng

Bảng 2. Số lượng ngân hàng của các quốc gia AEC

	NHTM nhà nước	NHTM cổ phần	Ngân hang liên doanh	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	Ngân hang đặc biệt	Ngân hang Hồi giáo
Brunei	1	-	-	6	4	-	1
Campuchia	1	35	-	24	-	11	-
Indonesia	4	53	14	26	10	-	12
Lào	3	7	3	25	-	1	-
Malaysia	1	7	-	19	3	-	16
Myanmar	4	23	-	9	-	-	-
Philippines	3	17	-	16	-	-	-
Singapore	1	4	-	37	-	28	-
Thái Lan	1	13	-	12	-	1	1
VN	4	33	4	46	5	2	-

Nguồn: Ngân hàng trung ương các quốc gia AEC

O1: Thị trường khách hàng và cơ hội đầu tư được mở rộng

Việc gia nhập AEC giúp cho các doanh nghiệp được hưởng lợi nhiều hơn từ việc xoá bỏ các hàng rào thuế quan. Đặc biệt đối với các doanh nghiệp xuất-nhập khẩu vừa và nhỏ thì lợi thế này càng thể hiện rõ rệt. Tỷ trọng thương mại nội khối ASEAN có xu hướng ngày càng tăng từ 19,2% năm 1993 lên 22% năm 2000 và 24,2% năm 2013, đóng góp 25% GDP cả khu vực năm 2013 (Trung tâm thông tin-tư liệu, 2014) đó chính là tiền đề dự báo cho sự tăng trưởng thương mại sắp tới khi AEC được hình thành. Từ đó, vai trò của ngân hàng trong vị thế là nhân tố chính trong việc hỗ trợ thanh toán và trung gian trong hoạt động thương mại ngày càng quan trọng.

O3: Nguồn đầu tư và cơ hội hợp tác đào tạo lớn từ nước ngoài

Cơ hội để kêu gọi đầu tư nước ngoài. Với mục tiêu tạo ra một thị trường thống nhất, AEC đem lại những hợp tác, thỏa thuận mà qua đó giúp nguồn vốn đầu tư được lưu chuyển một cách thuận lợi giữa các quốc gia qua việc xoá bỏ hạn chế đối với các giao dịch trên tài khoản vãng lai, xoá

bỏ hạn chế đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài và danh mục đầu tư (Ban thư ký ASEAN, 2011). Bên cạnh đó hoạt động giao lưu, trao đổi và hợp tác trong đào tạo cũng được tăng cường giữa các quốc gia. Do đó đây là một cơ hội lớn để hệ thống ngân hàng VN có thể mở rộng quy mô, tận dụng hợp tác đào tạo để nâng cao chất lượng nhân sự phù hợp với trình độ phát triển và yêu cầu của sự hội nhập.

O4: Tăng khả năng thanh khoản ngoại tệ trong ngắn hạn

Vào tháng 3 năm 2010, Thỏa thuận đa phương hóa sáng kiến Chiang Mai (CMIM) chính thức có hiệu lực sau khi được 5 nước thành viên ASEAN và ASEN+3 (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) thông qua. CMIM là thỏa thuận hoán đổi tiền tệ đa biên trị giá 120 tỷ USD với mục tiêu giải quyết khó khăn về thanh khoản trong ngắn hạn trong khu vực ASEAN. Tất cả các thành viên tham gia CMIM đều có thể tiếp cận thỏa ước và số tiền mà mỗi quốc gia có thể rút là cấp số nhân của khoản vốn góp. Đặc biệt 20% của số tiền 120 tỷ USD có thể được rút mà không bị ràng buộc

bởi bất cứ thoả thuận nào với IMF. Qua đó giúp giảm áp lực về ngoại tệ đối với ngân hàng nhà nước cũng như toàn bộ ngành ngân hàng của VN.

05: Thúc đẩy quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng.

Là xúc tác quan trọng trong sự phát triển và đổi mới của hệ thống ngân hàng VN. Với thoả thuận giúp tự do tiếp cận các dịch vụ tài chính trong AEC, hệ thống ngân hàng trong nước cũng phải chịu sức ép rất lớn từ ngân hàng các nước khác trong việc tranh giành thị phần khách hàng nội địa. Do đó đây chính là động lực để hệ thống ngân hàng VN quyết liệt đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu nâng cao quy mô, chất lượng và hiệu quả dịch vụ nhằm tăng sức cạnh tranh giữ vững thị phần cũng như tránh được sự đào thải của nền kinh tế thị trường khi chúng ta hội nhập.

4.2. Thách thức đối với hệ thống ngân hàng khi gia nhập AEC

T1: Sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các ngân hàng nước ngoài

Việc tự do hoá các dịch vụ tài chính vừa là thuận lợi cũng vừa là khó khăn đối với hệ thống ngân hàng ở VN. So với hệ thống ngân hàng trong khu vực ASEAN, hệ thống ngân hàng VN vẫn còn yếu về cả quy mô, tổng tài sản và các chỉ số ROA, ROE vẫn còn ở mức thấp (Nguyễn Thị Mùi 2015). Việc hội nhập vào cộng đồng kinh tế AEC đưa tới áp lực lớn để giữ vững thị phần của hệ thống ngân hàng VN trước sự tấn công mạnh mẽ từ ngân hàng ở các quốc gia phát triển hơn như Malaysia, Thái Lan hay Singapore. Do đó nếu như không có những sự thay đổi phù hợp thì đây là một thách thức rất lớn đối

với hệ thống ngân hàng của VN trong thời gian tới

T2: Nguy cơ chảy máu chất xám

AEC ra đời, với thu nhập bình quân đầu người 3.100 USD/năm và chênh lệch rất lớn, từ 1.000 USD/người (Campuchia, Myanmar) đến 40.000 USD/người (Singapore) có thể là nguyên nhân thúc đẩy di chuyển lao động trong khối (Bùi Hồng Cường 2015). Theo đó, nếu không có những chính sách ưu đãi và sử dụng hợp lí, nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ có xu hướng dịch chuyển tới các nền kinh tế phát triển trong khu vực làm ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả quản trị và chất lượng hoạt động của hệ thống ngân hàng.

T3: Tiềm ẩn sự bất ổn vĩ mô

Việc nguồn vốn đầu tư quá cao vượt quá khả năng hấp thụ có thể dẫn tới những bất ổn kinh tế vĩ mô như lạm phát cao, bong bóng bất động sản, sức ép lên hệ thống tài chính ngân hàng, rủi ro đạo đức, tấn công đầu cơ,... (Sergio L, 2003). Bất ổn vĩ mô đã ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động tín dụng ngân hàng cung cấp cho các doanh nghiệp, các NHTM phải hạn chế cho vay, khiến cho các doanh nghiệp khu vực tư nhân khó tiếp cận với vốn tín dụng ngân hàng (Nguyễn Thị Minh Huệ và Tăng Thị Thanh Phúc, 2012) từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của hệ thống ngân hàng. Với VN, không chỉ nguồn đầu tư lớn từ AEC mà còn từ TPP sắp tới sẽ nêu thách thức về nguy cơ đối mặt với những sự bất ổn về vĩ mô sẽ vô cùng lớn.

4.3. Điểm mạnh của hệ thống ngân hàng VN

S1: Am hiểu thị trường Đông

Dương

Theo số liệu thống kê từ website của các NHTM VN cho thấy VN có sự phát triển hệ thống mạng lưới chi nhánh rộng khắp cả nước. Hiện hình như Agribank gần 2,300 chi nhánh và phòng giao dịch khắp cả nước, BIDV có 629 chi nhánh và phòng giao dịch và quỹ tiết kiệm trải rộng khắp cả nước,... Trong khi đó, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài chỉ được cấp phép vào VN từ năm 2009, số lượng rất ít và chỉ quy mô là 2 thành phố lớn là Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Ngoài ra, ở thị trường các nước Đông Dương, do có sự tương đồng với nhau về lịch sử phát triển, cũng như là mối quan hệ hợp tác lâu dài giữa các quốc gia trong khu vực về kinh tế- chính trị - xã hội giúp cho ngân hàng VN hiểu biết khá tốt về thị trường. Nhờ sự hiểu biết đó, các ngân hàng VN đang phát triển và hoàn thiện mạng lưới chi nhánh ở Đông Dương với 25 chi nhánh và văn phòng đại diện ở Lào và Campuchia của các ngân hàng như BIDV, Sacombank, VietinBank, MB, ... (Website các ngân hàng thương mại 2015)

S2: Hiện đại hóa ngân hàng đang được đẩy mạnh

Hiện đại hóa ngân hàng là một trong những vấn đề mà NHNN VN đang xúc tiến. Tiêu biểu như việc ký kết dự án đầu tư "Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng" qua đó hỗ trợ NHNN VN, Trung tâm thông tin tín dụng (CIC) và Bảo hiểm tiền gửi VN nâng cao chất lượng thực hiện các chức năng chính của mình phù hợp với các chuẩn quốc tế cho khu vực ngân hàng thông qua việc: (a) xây dựng một



Bảng 3. Hệ thống ngân hàng VN giai đoạn 1991-2015

Ngân hàng	1991	1997	1999	2001	2003	2005	2007	2009	2012	2013	2014	2015
NHTM nhà nước*	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	4
NHTM cổ phần	4	51	48	39	37	37	34	37	34	33	33	33
Ngân hàng liên doanh	1	4	4	4	4	5	5	5	4	4	4	4
Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	-	24	26	26	27	31	41	45	50	51	47	46
Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	5	5	5	5	5
Tổng	9	84	83	74	73	78	85	97	98	98	93	92

*Bao gồm cả các NHTM cổ phần Nhà nước nắm cổ phần chi phối

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước VN (2015)

hệ thống tập trung, tích hợp các quy trình nghiệp vụ và một kiến trúc công nghệ thông tin hiện đại; và (b) tăng cường năng lực thè ché để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của mình (Dự án FSIMMS, 2009).

S3: Quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng đang mang lại nhiều kết quả tích cực

Quá trình tái cơ cấu ngân hàng được bắt đầu từ năm 2012 với việc thông qua đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011- 2015” của Chính phủ. thực hiện tái cơ cấu hệ thống ngân hàng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả nền kinh tế, một số tiêu chí cơ bản, tập trung lành mạnh hóa tình trạng tài chính và cung cấp năng lực hoạt động của các tổ chức tín dụng, cải thiện mức an toàn và hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng, nâng cao trật tự, kỷ cương và nguyên tắc thị trường trong hoạt động ngân hàng và đã đạt được kết quả tích cực (Đề án số 254 của Chính phủ, 2012).

Những kết quả sơ bộ của quá trình tái cơ cấu đạt được những kết quả: về cơ bản đã kiểm soát được các NHTM cổ phần yếu kém, giảm bớt số lượng các NHTM thông cơ cấu lại (thông qua hoạt động sáp nhập, hợp

nhất), xử lý nợ xấu, tập trung cùng cổ và tăng cường năng lực tài chính, quản trị, hoạt động và năng lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, NHNN VN đang hoàn thiện để đưa ra các văn bản pháp lý về thanh tra, giám sát và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng; quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng (Đặng Ngọc Đức và Nguyễn Đức Hiển 2015)

4.4. Điểm yếu của hệ thống ngân hàng VN

W1: Năng lực tài chính của các ngân hàng thương mại chưa cao

Mặc dù đã có những nỗ lực lớn trong việc cải thiện tình hình tài chính nhưng so với vốn điều lệ của một số ngân hàng ở các quốc gia trong khu vực thì quy mô vốn điều lệ của các NHTM VN vẫn ở mức thấp. Theo nghiên cứu của Nguyễn Mạnh Hùng (2015) có đề cập đánh giá của Brand Finance về giá trị thương hiệu hàng đầu trên thế giới, năm 2015 VN chỉ có hai ngân hàng VietinBank và Vietcombank được lọt vào top 500 thương hiệu ngân hàng có giá trị nhất trên thế giới, trong khi đó Singapore có 3 ngân hàng, Malaysia có 7 ngân hàng, Indonesia có 6 ngân hàng, Thái Lan có 8 ngân hàng, Philippines có 4 ngân hàng.

W2: Nợ xấu đang có chiều hướng giảm nhưng vẫn ở mức cao

Theo thống kê từ website NHNN VN, tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ tín dụng giảm còn 3,81% ở Quý 1 năm 2015. Tuy nhiên, công tác xử lý nợ xấu ở VN gặp nhiều khó khăn và cần phải có thời gian, còn nhiều vướng mắc do khuôn khổ pháp lý chưa hoàn chỉnh, không có nguồn ngân sách nhà nước và cũng chưa có nhiều kinh nghiệm xử lý (Đào Minh Dân 2015). Quan trọng hơn cả đó là các ngân hàng vẫn chưa có những biện pháp thu hồi nợ xấu hiệu quả mà chỉ đơn thuần là bán nợ cho VAMC để đưa mức nợ xấu về ngưỡng an toàn, vậy nên khoản nợ xấu thực tế của hệ thống ngân hàng VN cao hơn so với số liệu 3,81% nêu trên.

W3: Sản phẩm, dịch vụ còn đơn điệu

Các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện nay mặc dù ngày càng được cải tiến nhưng so với khu vực và thế giới thì sản phẩm dịch vụ của ngân hàng vẫn còn nghèo nàn, đơn điệu, chất lượng dịch vụ thấp, chưa tạo dựng được thương hiệu riêng, quy mô của dịch vụ còn nhỏ, chất lượng dịch vụ thấp, sức cạnh tranh yếu, tiện ích của một số dịch vụ đối với khách hàng chưa ca (Trung tâm bồi dưỡng đại biểu dân cử, 2014). Vậy nên, các NHTM VN cạnh



tranh với các ngân hàng nước ngoài có những sự nâng cao về sản phẩm, dịch vụ cũng như là chăm sóc khách hàng đảm cung cấp tối đa lợi ích mà họ nhận được.

W4: Năng lực kiểm soát và năng suất lao động còn thấp

Theo Lê Cảm Ninh (2014), kiểm toán nội bộ của các NHTM vẫn chưa thực sự quan tâm đúng mức, còn mang tính hình thức, chưa đủ khả năng đánh giá chất lượng hệ thống kiểm soát nội bộ, chất lượng nhân viên chưa cao, thiếu nhiều cán bộ có kỹ năng và nghiệp vụ chuyên sâu. Quan trọng nhất là khả năng nhân viên tiếp thu công nghệ và giao tiếp anh văn còn hạn chế, đây là vấn đề các NHTM VN coi trọng trong lúc hội nhập kinh tế quốc tế.

Bên cạnh đó, nghiên cứu của Bùi Hồng Cường (2015) cho thấy năng suất lao động của ngành ngân hàng nói riêng và nền kinh

tế VN nói chung, còn rất thấp so với các nước trong khối ASEAN chỉ cao hơn lao động của Lào và Campuchia, thấp dưới một nửa so với Philippines, dưới một phần mười Malaysia và chưa bằng 3% năng suất của Singapore.

5. Một số đề xuất đối với hệ thống ngân hàng VN trong thời gian tới khi gia nhập AEC

Kết hợp S+O: Sử dụng điểm mạnh để khai thác cơ hội

Để tận dụng được cơ hội về thị trường rộng lớn mà AEC mang lại, các ngân hàng cần phải tiếp tục đẩy nhanh hơn nữa quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng theo đó giảm số lượng các ngân hàng nhỏ, yếu kém, hình thành những ngân hàng quy mô vốn điều lệ lớn đủ sức cạnh tranh trong khu vực. Để từ đó tận dụng sứ mệnh của thị trường Đông Dương làm tiền đề để phát triển hệ thống ra các quốc gia thành

viên khác. Có thể nói việc xây dựng những ngân hàng quy mô lớn là yếu tố tiên quyết không thể thiếu trong việc mở rộng mạng lưới đầu tư ra nước ngoài đối với hệ thống ngân hàng VN hiện đang còn yếu về quy mô.

Từ quy mô thị trường và tốc độ tăng trưởng thương mại nội khối cho thấy AEC chính là cơ hội cho sự phát triển mạnh mẽ hoạt động thương mại trong khu vực (Trung tâm thông tin tài liệu, 2014) do đó nhu cầu về trung gian tài chính của ngân hàng trong hoạt động này cũng tăng theo. Với điểm mạnh từ việc hiện đại hóa hệ thống ngân hàng VN đang được đẩy mạnh, các ngân hàng VN cần chú trọng hơn nữa vấn đề phát triển và hiện đại hóa không chỉ ở việc đa dạng trong các dịch vụ thanh toán, bảo hiểm rủi ro, bảo lãnh... mà còn là việc cải thiện cơ chế sao cho các

Bảng 4. Tổng hợp ma trận SWOT hệ thống ngân hàng VN khi gia nhập AEC

MA TRẬN SWOT	Cơ hội (O): O1: Thị trường khách hàng và cơ hội đầu tư được mở rộng O2: Vai trò của ngân hàng trong hoạt động thương mại được gia tăng O3: Nguồn đầu tư và cơ hội hợp tác đào tạo lớn từ nước ngoài O4: Tăng khả năng thanh khoản ngoại tệ trong ngắn hạn O5: Thúc đẩy quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng	Thách thức (T): T1: Sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các ngân hàng nước ngoài T2: Nguy cơ chảy máu chất xám T3: Tiềm ẩn sự bất ổn vĩ mô
Điểm mạnh (S): S1: Am hiểu thị trường Đông Dương S2: Hiện đại hóa ngân hàng đang được đẩy mạnh S3: Quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng đang mang lại nhiều kết quả tích cực	Hình thành các ngân hàng quy mô lớn mang tầm khu vực từ đó phát triển hệ thống ra các nước trong AEC. Phát triển dịch vụ ngân hàng hiện đại để hỗ trợ hoạt động thương mại.	Củng cố và hoàn thiện mạng lưới chi nhánh, nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ ở Đông Dương. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của hệ thống ngân hàng qua việc hiện đại hóa thể chế quản lý và cơ cấu lại các ngân hàng yếu kém.
Điểm yếu (W): W1: Năng lực tài chính còn yếu W2: Nợ xấu ở mức cao W3: Sản phẩm, dịch vụ còn đơn điệu W4: Năng lực kiểm soát và năng suất lao động thấp	Xây dựng chiến lược huy động nguồn đầu tư nước ngoài để đầu tư phát triển năng lực, dịch vụ tài chính. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác đào tạo trong ASEAN để phát triển nguồn nhân lực chất lượng và mô hình kiểm soát hiệu quả. Đa dạng hóa danh mục đầu tư với các sản phẩm tài chính hiện đại ở nước ngoài.	Kiểm soát chặt chẽ việc cho vay và thẩm định dự án để hạn chế nợ xấu của hệ thống ngân hàng. Nâng cao cơ chế dài hạn đối với những vị trí chủ chốt trong ngân hàng.

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu



nghiệp vụ được tiến hành một cách nhanh chóng, an toàn, tiện lợi và có tính kết nối hệ thống nhất giúp hoạt động thương mại diễn ra trơn tru. Bên cạnh đó việc khai thác tốt CMIM cũng là cơ sở đảm bảo cho khả năng trung gian thương mại với quy mô lớn hơn của hệ thống ngân hàng VN.

Kết hợp: S+T: Lấy điểm mạnh để đổi đầu với thách thức

Bên cạnh việc mở rộng hệ thống ngân hàng ra các nước trong khu vực ASEAN, để đổi đầu với sức ép cạnh tranh từ các ngân hàng đã phát triển trong khu vực việc giữ vững thị phần trong nước lại càng cần phải được chú trọng. Do đó với lợi thế hiểu rõ thị trường Đông Dương và một mạng lưới chi nhánh rộng khắp cả nước, việc tiếp tục hoàn thiện mạng lưới chi nhánh, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ đi kèm với chính sách chăm sóc khách hàng và marketing chính là biện pháp giúp cho người dân được tiếp cận gần hơn và gắn bó hơn với hệ thống ngân hàng VN cũng như tăng cường sức cạnh tranh của hệ thống ngân hàng.

Việc tự do lưu chuyển vốn đầu tư cũng là thách thức lớn đối với hệ thống ngân hàng VN từ nguy cơ bất ổn vĩ mô tiềm ẩn. Để đổi đầu với thách thức trên, hệ thống ngân hàng cần tận dụng lợi thế từ quá trình tái cơ cấu và hiện đại hóa đang mang lại kết quả tốt, không chỉ thay đổi, cơ cấu về quy mô để thanh lọc những ngân hàng kém hiệu quả, hệ thống ngân hàng cũng cần định hướng lại và xây dựng một chiến lược kinh doanh trung và dài hạn phù hợp, phát triển thể chế quản lý thống

nhất để kiểm soát và sử dụng hợp lý nguồn vốn đầu tư giúp đem lại lợi nhuận cho ngân hàng và quan trọng hơn còn giúp cho nền kinh tế giảm bớt nguy cơ bất ổn vĩ mô trước gánh nặng đầu tư quá lớn từ AEC và TPP sắp tới.

Kết hợp W+O: Tận dụng cơ hội để khắc phục điểm yếu

Từ trước đến nay, hiệu quả làm việc, quản trị thấp và tâm lý ý lại luôn là vấn đề nhức nhối. Trong khi nhân viên ngân hàng làm việc trên lĩnh vực dịch vụ hiện đại nên tác phong chuyên nghiệp là điều bắt buộc. Do đó các ngân hàng cần tranh thủ sự hỗ trợ hợp tác phát triển nguồn nhân lực và quản lý từ các quốc gia đã có hệ thống ngân hàng phát triển để đào tạo nâng cao hiệu quả làm việc của nhân viên, chuyên nghiệp hóa hệ thống ngân hàng từ đó rút ngắn dần khoảng cách với các hệ thống ngân hàng phát triển trong khu vực. Đồng thời cũng không ngừng học hỏi từ các mô hình quản trị và kiểm soát đã mang lại thành công của các nước để làm cơ sở xây dựng một hệ thống kiểm soát, quản lý phù hợp cho VN.

Bên cạnh tái cơ cấu, việc xây dựng một chiến lược huy động vốn đầu tư hiệu quả từ nước ngoài cũng góp phần cải thiện quy mô và nâng cao chất lượng dịch vụ còn thấp hiện nay của hệ thống ngân hàng VN hiện nay. Gia nhập AEC còn mang đến những cơ hội đầu tư mới cho hệ thống ngân hàng với các sản phẩm tài chính hiện đại giúp tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn thay cho việc giải ngân tín dụng tràn lan kém hiệu quả. Vậy nên nếu tận dụng tốt các thời cơ AEC mang lại sẽ giúp hệ thống ngân hàng khắc

phục những điểm yếu của mình một cách nhanh chóng.

Kết hợp W+T: Tối thiểu hóa điểm yếu để vượt qua thách thức

Kiểm soát nợ xấu. Nợ xấu đang là một vấn đề nhức nhối của hệ thống ngân hàng VN. Dù được VAMC mua lại nợ xấu tuy nhiên khoản nợ xấu đó vẫn là gánh nặng mà ngân hàng phải trích lập dự phòng hàng năm, vậy nên kiểm soát nợ xấu là một vấn đề cấp bách. Trước cơ hội gia nhập AEC, áp lực giải ngân tín dụng phần được giảm bớt khi có nhiều hơn những dự án đầu tư hiệu quả ở nước ngoài, từ đó giảm bớt ảnh hưởng từ áp lực tăng trưởng tín dụng trong nước tới việc gia tăng nợ xấu. Đồng thời còn phải chú trọng và thắt chặt hoạt động kiểm soát và giám sát nhằm giảm thiểu việc giải ngân không hợp lý nhằm đảm bảo tính an toàn cho toàn bộ hệ thống cũng như nâng cao niềm tin của công chúng đối với hệ thống ngân hàng.

Hệ thống ngân hàng VN trong khi vẫn chưa thể nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát và năng suất lao động còn thấp của mình lại phải đổi mới với sự chảy máu chất xám từ việc dịch chuyển lao động trong khối. Do đó, hệ thống ngân hàng cần có những chính sách ưu đãi phù hợp để giữ chân nhân tài ở các vị trí quản lý quan trọng, để phòng sự đi xuống của chất lượng quản lý gây ảnh hưởng trực tiếp tới các mục tiêu và chiến lược mở rộng thị trường của hệ thống ngân hàng.

(Xem tiếp trang 69)



TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Kinh tế Trung ương, Trường ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. *Ký yếu hội thảo khoa học, 2014: Thực trạng, định hướng và giải pháp phát triển Công nghiệp hỗ trợ tại VN.* TP. Hồ Chí Minh: NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Lê Xuân Sang, Nguyễn Thị Thu Huyền. *Chính sách thúc đẩy phát triển Công nghiệp hỗ trợ: Lý luận, thực tiễn và định hướng cho VN.* Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Long An đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Thủ tướng Chính phủ. *Quyết định số 1556/QĐ-TTg phê duyệt Đề án trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, ban hành ngày 17/10/2012.*

Trần Đình Thiện. (2012). *Phát triển công nghiệp hỗ trợ đánh giá thực trạng và hiệu quả.* Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh: Hội thảo Thu hút vốn đầu tư công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ vào TP. Hồ Chí Minh, ngày 27/6/2014.

UBND tỉnh Long An (2014). *Quyết định số 63/2014/QĐ-UBND về chính sách khuyến khích, hỗ trợ nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa và đổi mới công nghệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, ban hành ngày 31/12/2014.*

Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, dự thảo 10/2015: *Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 – 2020, định hướng đến năm 2025.* Báo cáo tổng hợp ngành cơ khí. Báo cáo tổng hợp ngành Dệt may. Báo cáo tổng hợp ngành Cao su-Nhựa. Báo cáo tổng hợp ngành Điện tử-CNTT.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương. *Phát triển ngành công nghiệp phụ trợ - thực trạng, định hướng và giải pháp.*

Websites:

<https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=629>

<http://www.customs.gov.vn/default.aspx>

http://support.gov.vn/news/tID15_Ph225t-trien-c244ng-nghiep-phu-tro-Th225o-n250t-that-cua-ng224nh-c244ng-nghiep-da-giay.html

Cộng đồng Kinh tế ASEAN...

(Tiếp theo trang 40)

6. Kết luận

Có thể nói việc gia nhập AEC là một cơ hội lớn đối với hệ thống ngân hàng VN nhưng nó cũng mang đến những thách thức không hề nhỏ. Để tận dụng thời cơ này, hệ thống ngân hàng VN cần quyết liệt hơn nữa trong quá trình tái cơ cấu của mình đồng thời đẩy mạnh quá trình hiện đại hóa để tăng sức cạnh tranh với các ngân hàng trong khu vực. Không dừng ở đó, chiến lược kinh doanh và chiến lược phát triển nhân sự chính là nền tảng tiên quyết trong việc mở rộng thị trường và hiện đại hóa hệ thống ngân hàng ở VN. Vậy nên việc đẩy mạnh thay đổi, hiện đại hóa khi hội nhập AEC chính là tiền đề để hệ thống ngân hàng VN có thể bước vào biển lớn TPP sắp tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Autoriti Monetari Brunei Darussalam. (2013). *AMBD Annual report 2012*
- Ban thư ký ASEAN (2011). *Sổ tay kinh doanh trong cộng đồng kinh tế ASEAN.* Jakarta tháng 11/2011. trang 7-42.
- Bank of the Lao P.D.R (2015). *Quarterly Economic report Q1*
- BMI (2015a). *Vietnam commercial banking report*
- Bùi Hồng Cường (2015). *Đóng thái của các quốc gia ASEAN. hàm ý đối với VN.* Đại học Kinh tế-ĐHQGHN. trang 8-9
- Chính phủ. *Đề án 254 của Chính phủ ban hành ngày 1/3/2012.*
- Central Bank of Myanmar (2012). *CBM Annual report 2011*
- Đặng Ngọc Đức. Nguyễn Đức Hiền (2015). *Tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại VN trong bối cảnh tái cơ cấu nền kinh tế.* Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. trang 336-338.
- Đào Minh Dân (2015). *Tháo gỡ vướng mắc, khó khăn để đẩy nhanh công tác xử lý nợ xấu.* *Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ.* Số 12. trang 20-23.
- Huỳnh Lưu Đức Toàn và Nguyễn Thị Minh Tú (2015). *Mở rộng hoạt động đầu tư của các ngân hàng thương mại VN trước bối cảnh hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN.* *Tạp chí Phát triển & Hội nhập* số 20/2015. trang 20.
- Lê Cầm Ninh (2014). *Nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống ngân hàng thương mại VN trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.* Luận án tiến sĩ. Học viện Tài chính. trang 79-81.
- National Bank of Cambodia (2014). *Annual report 2014*
- Ngân hàng Nhà nước (2009). *Dự án "Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng" (FSMIMS) (2009-2014).*
- Nguyễn Thị Mùi (2015). *Hệ thống ngân hàng thương mại VN và những vấn đề đặt ra.* Vietinbank. trang 3-4.
- Nguyễn Quốc Toản (2015). *Nhìn lại chặng đường thực hiện tái cơ cấu các lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế giai đoạn 2011-2014.* *Tạp chí Thị trường Tài chính tiền tệ.* Số 12. trang 12-16.
- Nguyễn Mạnh Hùng (2015). *Năng lực tài chính NHTM VN trước bối cảnh hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN.* *Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ.* Số 19. trang 29-32.
- Nguyễn Thị Minh Huệ và Tăng Thị Thanh Phúc (2012). *Giải pháp nào cho các doanh nghiệp khu vực tư nhân ở VN trong thời kỳ suy thoái kinh tế - góc nhìn từ nguồn vốn tín dụng ngân hàng.* NHNN VN.